

Số: 1370 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-BTC ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 283/TTr-STC ngày 10 tháng 4 năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang (gồm 05 TTHC).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang và các Quyết định khác có liên quan.

2. Bãi bỏ thủ tục hành chính thứ tự số 4, 5 tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí; lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang và các Quyết định khác có liên quan.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** *mal*

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-BTP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT, htbmai.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Phong**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH AN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số 1370 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

| STT | Mã TTHC   | Tên TTHC                                                                                                            | Tên VBQPPL<br>quy định việc bãi bỏ TTHC                                                                                |
|-----|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 3.000.327 | Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi                                                                               | Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi |
| 2   | 3.000.328 | Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi                                                                        |                                                                                                                        |
| 3   | 3.000.326 | Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại |                                                                                                                        |
| 4   | 3.000.325 | Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi                                             |                                                                                                                        |
| 5   | 3.000.324 | Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi                                                                            |                                                                                                                        |